

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12-33

W.S.D.N. 01

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên	
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	
Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 21 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Vũ Xuân Biễn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		232.392.885.104	202.058.419.118
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.335.954.247	51.255.615.711
111	1. Tiền		3.738.954.247	5.941.615.711
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.597.000.000	45.314.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	82.628.000.000	32.848.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		82.628.000.000	32.848.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		102.528.721.457	85.338.256.911
131	1. Phải thu của khách hàng		102.069.825.273	85.878.227.114
132	2. Trả trước cho người bán		1.302.385.974	299.461.500
135	5. Các khoản phải thu khác	5	187.379.997	302.232.738
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.030.869.787)	(1.141.664.441)
140	IV. Hàng tồn kho	6	30.748.563.284	31.709.805.160
141	1. Hàng tồn kho		30.748.563.284	31.709.805.160
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.151.646.116	906.741.336
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		384.757.564	184.334.719
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	766.888.552	722.406.617
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		253.282.599.002	252.118.651.890
220	II. Tài sản cố định		52.502.004.720	47.896.596.676
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	52.438.671.383	47.896.596.676
222	- Nguyên giá		121.186.378.835	110.501.434.941
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.747.707.452)	(62.604.838.265)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	63.333.337	-
228	- Nguyên giá		75.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.666.663)	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	199.744.829.336	199.744.829.336
251	1. Đầu tư vào công ty con		19.902.634.227	19.902.634.227
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		179.842.195.109	179.842.195.109
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.035.764.946	4.477.225.878
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.035.764.946	4.477.225.878
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		485.675.484.106	454.177.071.008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

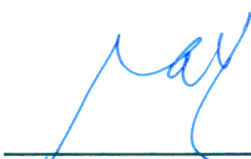
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		65.852.317.302	67.709.514.941
310	I. Nợ ngắn hạn		64.215.317.302	65.709.514.941
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	11.229.600.000	14.866.800.000
312	2. Phải trả người bán		21.197.742.648	23.170.213.305
313	3. Người mua trả tiền trước		1.620.218.249	153.754.801
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.610.492.515	4.453.033.140
315	5. Phải trả người lao động		9.507.537.277	9.691.511.473
316	6. Chi phí phải trả	14	702.245.422	635.011.900
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	202.177.850	880.332.120
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	11.411.777.299	9.526.611.959
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.733.526.042	2.332.246.243
330	II. Nợ dài hạn		1.637.000.000	2.000.000.000
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	17	1.637.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		419.823.166.804	386.467.556.067
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	418.879.765.051	385.552.691.049
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.450.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.100.042.131	1.100.042.131
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.600.000.000	1.200.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		95.166.539.575	62.239.465.573
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	19	943.401.753	914.865.018
432	1. Nguồn kinh phí		-	(205.065.303)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		943.401.753	1.119.930.321
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		485.675.484.106	454.177.071.008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý	3.706.210.146	3.812.210.146
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	382,89	8.381,33



Lê Thanh Hải
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

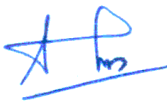
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2014*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	419.347.938.162	382.119.684.733
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.557.265.816	738.043.118
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	417.790.672.346	381.381.641.615
11	4. Giá vốn hàng bán	23	357.363.584.179	313.161.551.155
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.427.088.167	68.220.090.460
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	70.154.531.884	47.265.753.102
22	7. Chi phí tài chính	25	965.701.797	2.812.640.356
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		962.588.818	2.723.640.808
24	8. Chi phí bán hàng	26	19.147.161.461	23.830.225.171
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.612.862.274	27.580.860.854
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		82.855.894.519	61.262.117.181
31	11. Thu nhập khác	28	1.416.760.246	1.552.831.940
32	12. Chi phí khác	29	241.612.020	178.013.924
40	13. Lợi nhuận khác		1.175.148.226	1.374.818.016
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		84.031.042.745	62.636.935.197
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	4.478.850.743	5.066.600.700
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>79.552.192.002</u>	<u>57.570.334.497</u>


Lê Thanh Hải
 Người lập


Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hà
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		444.778.773.153	376.783.549.661
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(386.222.281.626)	(328.311.251.835)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(36.752.853.153)	(34.933.605.257)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.077.852.596)	(2.618.059.450)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.843.968.087)	(5.379.171.171)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.336.541.262	11.694.096.930
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.133.168.409)	(62.246.935.277)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.085.190.544	(45.011.376.399)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.902.254.772)	(804.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		94.875.000	31.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(114.215.000.000)	(52.848.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		64.435.000.000	21.000.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	27.265.121.600
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		70.134.722.837	83.586.794.821
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.547.343.065	78.231.734.603
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(1.589.412.600)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		28.555.645.881	19.739.200.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(32.192.845.881)	(66.605.100.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44.915.276.000)	(35.141.860.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.552.476.000)	(83.597.172.600)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(35.919.942.391)	(50.376.814.396)

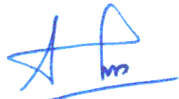
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		51.255.615.711	101.635.804.040
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		280.927	(3.373.933)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.335.954.247</u>	<u>51.255.615.711</u>



Lê Thanh Hải
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

CT
HAN
TOAN
C
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 322.450.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 322.450.000.000 đồng; tương đương 32.245.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45	năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05	năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

2.14 . Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	291.445.470	94.253.947
Tiền gửi ngân hàng	3.447.508.777	5.847.361.764
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	11.597.000.000	45.314.000.000
	15.335.954.247	51.255.615.711

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm	72.628.000.000	22.848.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương tiền cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
	82.628.000.000	32.848.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	142.202.292	176.095.083
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	9.672.105	10.034.355
Phải thu khác	35.505.600	116.103.300
	187.379.997	302.232.738

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	665.834.033
Nguyên liệu, vật liệu	13.127.613.592	8.027.234.599
Công cụ, dụng cụ	567.707.052	415.242.911
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.913.556.285	2.118.251.168
Thành phẩm	13.487.147.882	19.508.003.158
Hàng hoá	652.538.473	975.239.291
	30.748.563.284	31.709.805.160

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	651.769.000	718.138.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	115.119.552	4.268.617
	766.888.552	722.406.617

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	40.761.389.494	56.642.072.413	11.782.956.644	1.315.016.390	110.501.434.941
Mua sắm	-	7.429.198.373	137.459.091	-	7.566.657.464
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.531.663.719	617.000.000	46.352.711	-	3.195.016.430
Thanh lý, nhượng bán	-	(41.730.000)	(35.000.000)	-	(76.730.000)
Tại ngày 31/12/2014	43.293.053.213	64.646.540.786	11.931.768.446	1.315.016.390	121.186.378.835
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	18.587.604.215	35.377.586.557	7.704.480.672	935.166.821	62.604.838.265
Trích khấu hao	1.326.084.758	3.781.531.945	953.058.656	158.923.828	6.219.599.187
Thanh lý, nhượng bán	-	(41.730.000)	(35.000.000)	-	(76.730.000)
Tại ngày 31/12/2014	19.913.688.973	39.117.388.502	8.622.539.328	1.094.090.649	68.747.707.452
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	22.173.785.279	21.264.485.856	4.078.475.972	379.849.569	47.896.596.676
Tại ngày 31/12/2014	23.379.364.240	25.529.152.284	3.309.229.118	220.925.741	52.438.671.383

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.579.192.269 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình mua mới trong năm và còn số dư tại ngày 31/12/2014 là phần mềm máy tính.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	19.902.634.227	19.902.634.227
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	10.277.743.006	10.277.743.006
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	9.624.891.221	9.624.891.221
Đầu tư vào công ty liên kết	179.842.195.109	179.842.195.109
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	179.842.195.109
	199.744.829.336	199.744.829.336

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	4.477.225.878	4.302.844.195
Tăng trong năm	674.098.273	1.712.390.577
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.248.070.663)	(1.538.008.894)
Bù trừ giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất với tiền thuê đất phải nộp	(2.867.488.542)	-
Tại ngày 31/12	1.035.764.946	4.477.225.878

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	-	2.867.488.542
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	203.489.599	917.593.911
Chi phí sửa chữa tài sản	832.275.347	692.143.425
	1.035.764.946	4.477.225.878

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.229.600.000	14.866.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Phòng giao dịch Cầu Diễn	-	3.500.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ⁽¹⁾	1.150.000.000	900.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ⁽²⁾	100.000.000	-
Cán bộ công nhân viên ⁽³⁾	9.979.600.000	10.466.800.000
	11.229.600.000	14.866.800.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm 02 hợp đồng vay vốn sau:

1.1 Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV/TCKT ngày 22/04/2014 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 20/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 950.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 6% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 950.000.000 đồng.

1.2 Hợp đồng vay vốn số 02/2014/HĐVV/TCKT ngày 15/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 200.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 6% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 200.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng vay vốn số 03/2014/HĐVV/TCKT ngày 27/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 6% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 100.000.000 đồng.

(3) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.983.808.999	2.603.716.921
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.542.312.175	1.786.042.019
Thuế Thu nhập cá nhân	50.220.383	63.274.200
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	34.150.958	-
	5.610.492.515	4.453.033.140

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển	362.980.000	163.340.000
Chi phí lãi vay phải trả	265.521.622	380.785.400
Chi phí phải trả khác	73.743.800	90.886.500
	702.245.422	635.011.900

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	75.699.877	76.990.133
Bảo hiểm xã hội	17.125.973	8.892.987
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	95.000.000
Phải trả về Đề tài nghiên cứu Bơm làm mát 150 m3	99.510.000	671.500.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	9.842.000	-
Phải trả, phải nộp khác	-	27.949.000
	202.177.850	880.332.120

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	9.526.611.959	5.003.803.146
Trích lập dự phòng trong năm	8.026.020.958	7.472.350.011
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.140.855.618)	(2.949.541.198)
Tại ngày cuối năm	11.411.777.299	9.526.611.959

Toàn bộ số dư dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 là dự phòng phải trả về bảo hành hàng hóa, thành phẩm của Công ty.

17 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	2.000.000.000	-
Trích lập quỹ	-	2.000.000.000
Sử dụng quỹ	(363.000.000)	-
Tại ngày cuối năm	1.637.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	320.000.000.000	2.510.470	-	1.100.042.131	800.000.000	6.319.131.076	328.221.683.677
Tăng vốn	2.450.000.000	150.085.475	-	-	-	-	2.600.085.475
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	57.570.334.497	57.570.334.497
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	400.000.000	(1.650.000.000)	(1.250.000.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.589.412.600)	-	-	-	(1.589.412.600)
Tại ngày 31/12/2013	322.450.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	1.100.042.131	1.200.000.000	62.239.465.573	385.552.691.049
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	79.552.192.002	79.552.192.002
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	400.000.000	(1.700.000.000)	(1.300.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(44.925.118.000)	(44.925.118.000)
Tại ngày 31/12/2014	322.450.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	1.100.042.131	1.600.000.000	95.166.539.575	418.879.765.051

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013	100,00%	57.570.334.497
Trích Quỹ dự phòng tài chính	0,69%	400.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,74%	1.000.000.000
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	0,52%	300.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 14% vốn điều lệ)	78,04%	44.925.118.000
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	19,01%	10.945.216.497

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,84%	212.287.500.000	81,34%	262.287.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	33,68%	108.606.200.000	18,18%	58.606.200.000
Cổ phiếu quỹ	0,48%	1.556.300.000	0,48%	1.556.300.000
	100%	322.450.000.000	100%	322.450.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.450.000.000	322.450.000.000
- Vốn góp đầu năm	322.450.000.000	320.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	2.450.000.000
- Vốn góp cuối năm	322.450.000.000	322.450.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.925.118.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	44.925.118.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.245.000	32.245.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.630	155.630
- Cổ phiếu phổ thông	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.089.370	32.089.370
- Cổ phiếu phổ thông	32.089.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.100.042.131	1.100.042.131
Quỹ dự phòng tài chính	1.600.000.000	1.200.000.000
	2.700.042.131	2.300.042.131

19 . NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	914.865.018	1.160.467.224
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	654.165.000	2.013.700.000
Chi sự nghiệp	(449.099.697)	(2.107.315.303)
Trích khấu hao tài sản từ nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	(176.528.568)	(151.986.903)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	943.401.753	914.865.018

Nguồn kinh phí tại ngày 31/12/2014 của Công ty do Nhà nước cấp để phục vụ nghiên cứu Đề tài Sản xuất Bơm làm mát công suất 150m3 phục vụ sản xuất nông nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	234.320.718.973	230.310.966.556
Doanh thu bán hàng hóa	123.241.121.544	113.203.691.849
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.786.097.645	38.605.026.328
	419.347.938.162	382.119.684.733

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.557.265.816	738.043.118
	1.557.265.816	738.043.118

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	232.763.453.157	229.603.413.838
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	123.241.121.544	113.173.201.449
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	61.786.097.645	38.605.026.328
	417.790.672.346	381.381.641.615

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	186.334.350.883	173.619.244.329
Giá vốn của hàng hóa đã bán	121.249.769.778	110.199.216.294
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	49.779.463.518	29.343.090.532
	357.363.584.179	313.161.551.155

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	6.085.567.713	4.494.782.569
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.015.262.333	42.626.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.838.314	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.863.524	3.373.933
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	141.596.600
	70.154.531.884	47.265.753.102

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	962.588.818	2.723.640.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.112.979	20.836.744
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư	-	68.162.804
	965.701.797	2.812.640.356

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.257.046.724	1.151.024.911
Chi phí nhân công	1.048.419.283	945.930.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.033.820	209.033.820
Chi phí bảo hành	2.170.656.911	4.613.580.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.977.693.331	5.272.923.458
Chi phí khác bằng tiền	7.484.311.392	11.637.732.103
	19.147.161.461	23.830.225.171

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.469.723.619	1.430.730.324
Chi phí nhân công	10.991.051.617	10.948.099.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.103.897.843	1.073.818.399
Thuế, phí, lệ phí	58.447.000	2.353.727.240
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	(110.794.654)	489.943.015
Trích lập Quỹ khoa học công nghệ	-	2.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.672.269.517	2.783.856.365
Chi phí khác bằng tiền	9.428.267.332	6.500.685.789
	27.612.862.274	27.580.860.854

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	86.250.000	31.818.182
Thu nhập từ sáp nhập Công ty cổ phần Cơ điện	-	187.256.286
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.144.800.000	1.128.600.000
Thu nhập khác	185.710.246	205.157.472
	1.416.760.246	1.552.831.940

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	9.754.821
Chi phí khác	241.612.020	168.259.103
	241.612.020	178.013.924

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	84.031.042.745	62.636.935.197
Các khoản điều chỉnh tăng	379.056.995	255.467.603
- Chi phí không hợp lệ	379.056.995	255.467.603
Các khoản điều chỉnh giảm	(64.051.687.270)	(42.626.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(64.015.262.333)	(42.626.000.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(36.424.937)	-
Tổng thu nhập tính thuế	20.358.412.470	20.266.402.800
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.478.850.743	5.066.600.700
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	121.387.500	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.786.042.019	2.079.461.781
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nhận từ Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội sau khi sáp nhập	-	19.150.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.843.968.087)	(5.379.171.171)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.542.312.175	1.786.042.019

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.949.478.740	166.508.143.778
Chi phí nhân công	39.930.042.133	38.807.118.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.018.156.178	5.882.180.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.460.210.239	11.030.835.986
Chi phí khác bằng tiền	21.361.013.775	32.145.142.028
	286.718.901.065	254.373.420.886

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.335.954.247	-	51.255.615.711	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.257.205.270	(1.030.869.787)	86.180.459.852	(1.141.664.441)
Các khoản cho vay	82.628.000.000	-	32.848.000.000	-
	200.221.159.517	(1.030.869.787)	170.284.075.563	(1.141.664.441)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	11.229.600.000	14.866.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	21.399.920.498	24.050.545.425
Chi phí phải trả	702.245.422	635.011.900
	33.331.765.920	39.552.357.325

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.335.954.247	-	-	15.335.954.247
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.226.335.483	-	-	101.226.335.483
Các khoản cho vay	82.628.000.000	-	-	82.628.000.000
	<u>199.190.289.730</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>199.190.289.730</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.255.615.711	-	-	51.255.615.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.038.795.411	-	-	85.038.795.411
Các khoản cho vay	32.848.000.000	-	-	32.848.000.000
	<u>169.142.411.122</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>169.142.411.122</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	11.229.600.000	-	-	11.229.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	21.399.920.498	-	-	21.399.920.498
Chi phí phải trả	702.245.422	-	-	702.245.422
	<u>33.331.765.920</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>33.331.765.920</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	14.866.800.000	-	-	14.866.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	24.050.545.425	-	-	24.050.545.425
Chi phí phải trả	635.011.900	-	-	635.011.900
	<u>39.552.357.325</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>39.552.357.325</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.763.453.157	123.241.121.544	61.786.097.645	417.790.672.346
Chi phí bộ phận trực tiếp	186.334.350.883	121.249.769.778	49.779.463.518	357.363.584.179
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	46.429.102.274	1.991.351.766	12.006.634.127	60.427.088.167
Tài sản bộ phận trực tiếp	172.014.041.334	76.094.366.385	37.822.247.051	285.930.654.770
Tài sản không phân bổ	-	-	-	199.744.829.336
Tổng tài sản	172.014.041.334	76.094.366.385	37.822.247.051	485.675.484.106
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	34.253.311.496	18.136.079.647	9.092.400.117	61.481.791.260
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.370.526.042
Tổng nợ phải trả	34.253.311.496	18.136.079.647	9.092.400.117	65.852.317.302

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, khác			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	428.615.200	16.311.122.853
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Công ty con	16.014.032.100	16.943.096.118
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	64.024.729.251	26.383.932.719
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	145.800.000	180.000.000
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Cùng Công ty mẹ	1.998.420.000	-
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	Cùng Công ty mẹ	61.281.464.000	30.898.879.500
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Cùng Công ty mẹ	2.376.000.000	2.405.139.440
Công ty CP Thiết bị điện	Cùng Công ty mẹ	2.308.988.947	10.085.677.600
Công ty CP Khí cụ điện I	Cùng Công ty mẹ	26.019.300	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	6.679.094.752	7.973.249.440
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Công ty con	398.699.400	10.156.121.781
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	6.552.238.722	9.345.516.888
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	Cùng Công ty mẹ	21.351.487.053	10.551.290.409
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Cùng Công ty mẹ	16.114.700.658	-
Công ty CP Thiết bị điện	Cùng Công ty mẹ	65.956.000.000	16.100.000.000
Công ty CP Khí cụ điện I	Cùng Công ty mẹ	1.019.476.607	774.672.372
Lãi cho vay phát sinh trong kỳ			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	700.000.000	735.616.500
Chi phí lãi vay			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.631.728.250
Cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	58.800.000.000	42.626.000.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	1.494.798.333	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
Phải thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Công ty con	9.711.725.430	7.452.952.196
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	40.502.125.486	5.404.233.839
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	39.600.000	49.500.000
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Cùng Công ty mẹ	2.236.979.250	202.134.313
Công ty CP Thiết bị điện	Cùng Công ty mẹ	413.199.842	8.481.615.010
Phải thu tiền cho vay			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả tiền hàng			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	1.570.271.164	999.230.751
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Cùng Công ty mẹ	9.823.787.684	-
Công ty CP Khí cụ điện I	Cùng Công ty mẹ	20.113.720	1.507.083

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.819.339.693	1.873.400.000

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Thanh Hải
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ
HÀ NỘI**

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

